

Số: 14/BC-UBND

Sơn Lang, ngày 28 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO

Tổng kết Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2021 trên địa bàn xã

Thực hiện Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 17/02/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Kbang về tổng kết Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2021 trên địa bàn huyện Kbang; Ủy ban nhân dân xã Sơn Lang báo cáo tình hình triển khai tổ chức thực hiện và một số kết quả đạt được trong công tác giảm nghèo giai đoạn 2016 -2021, cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Sơn lang là xã nằm phía bắc của huyện Kbang có diện tích tự nhiên là 33.604,85 ha, trong đó đất sản xuất nông nghiệp là 2.268ha, đất phi nông nghiệp là 1.925ha (trong đó đất sông suối và hồ B thủy điện Vĩnh Sơn là 1.779ha), đất lâm nghiệp - chủ yếu rừng tự nhiên là 29.348ha, chiếm 87,33% diện tích tự nhiên. Phía bắc giáp huyện Ba Tơ tỉnh Quảng Ngãi; phía nam giáp xã Sơ Pai huyện Kbang; phía đông giáp tỉnh Bình Định; phía tây giáp xã Đăk rong huyện Kbang. Toàn xã có 08 dân tộc anh em sinh sống, dân số có 1.209 hộ với 4.401 khẩu (Trong đó đồng bào dân tộc thiểu số: 596 hộ, chiếm 49,29%); Địa bàn xã hiện nay còn 9 thôn, làng (3 thôn và 6 làng) phân bố theo trục đường Trường Sơn Đông; có 2 Công ty Lâm nghiệp và 1 Khu bảo tồn đứng chân trên địa bàn. Về tôn giáo có 66 hộ = 213 khẩu. Thu nhập bình quân đầu người hiện nay là 40,503trđ/người/năm. Cơ sở vật chất hạ tầng trên địa bàn xã đã được quan tâm đầu tư và có nhiều thay đổi nhưng nhìn chung vẫn còn hạn chế, sản xuất nông nghiệp là chủ yếu và phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên.

Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trong những năm qua luôn được Cấp ủy, chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành nên công tác chính sách cho hộ nghèo ngày càng được chú trọng, đội ngũ cán bộ xã có trách nhiệm trong các công tác liên quan đến hộ nghèo, đời sống người dân ngày càng được cải thiện, trình độ dân trí ngày càng được nâng cao... Tuy nhiên cũng còn tồn tại một số khó khăn như: Địa bàn rộng nên việc triển khai, thực hiện một số chủ trương chính sách chưa kịp thời, sâu rộng, xã có nhiều thành phần dân tộc nên trình độ dân trí không đồng đều, điều kiện kinh tế còn khó khăn.

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN.

1. Công tác quán triệt, chỉ đạo, triển khai thực hiện:

Thực hiện Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020; Nghị

định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ *ban hành quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025*; Ủy ban nhân dân xã đã triển khai, quán triệt tới toàn thể cán bộ, công chức và nhân dân trên địa bàn; kiện toàn Ban chỉ đạo giảm nghèo cấp xã, ban hành quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban chỉ đạo để tổ chức thực hiện; xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2016-2020, tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội, thực hiện các chính sách, dự án giảm nghèo của địa phương, khơi dậy ý chí vươn lên của người nghèo, sự tham gia giúp đỡ của cộng đồng, tạo điều kiện để người nghèo thoát nghèo.

Các văn bản của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, các văn bản của tỉnh, huyện về lồng ghép các chương trình, dự án để tập trung nguồn lực thực hiện mục tiêu xây dựng Nông thôn mới... cũng được triển khai, quán triệt kịp thời. Công tác quản lý, điều hành được tổ chức chỉ đạo thực hiện thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo thực hiện đồng bộ và lồng ghép các nguồn lực đầu tư.

Công tác kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân xã về quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư được thực hiện thường xuyên; công tác kiểm tra và xử lý giải quyết những phát sinh vướng mắc kịp thời; hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước về Chương trình MTQG được đảm bảo.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức thành viên đã tích cực tuyên truyền, vận động, chỉ đạo triển khai cụ thể đến thôn, làng, bên cạnh việc hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, còn quan tâm thực hiện tốt chương trình an sinh xã hội, đã tích cực tham gia thực hiện các chương trình, dự án, xây dựng và nhân rộng các mô hình, điển hình giảm nghèo có hiệu quả, giúp đoàn viên, hội viên thoát nghèo; phát huy vai trò giám sát việc thực hiện chương trình MTQG từ khâu bình xét hộ nghèo, hộ được hỗ trợ xóa nhà tạm đến việc thực thi các chế độ, chính sách cho người nghèo...

Trạm phát thanh xã, trang thông tin điện tử của xã đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; tích cực tuyên truyền những gương điển hình, mô hình tốt về công tác giảm nghèo; vận động nhân dân tích cực tham gia chương trình giảm nghèo, khuyến khích làm giàu chính đáng.

2. Công tác ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện chính sách giảm nghèo:

Để triển khai thực hiện chương trình, căn cứ vào các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên, Đảng ủy, HĐND, UBND xã đã ban hành các văn bản về thực hiện chính sách giảm nghèo phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương. Xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giảm nghèo giai đoạn 2016-2020 và hàng năm; Tổ chức triển khai thực hiện việc điều tra, rà soát hộ nghèo từng giai đoạn, hàng năm và đánh giá giữa kỳ; hướng dẫn thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, xây dựng mô hình; chính sách cho vay với lãi suất ưu đãi; chính sách hỗ trợ về giáo dục, y tế, nhà ở... tạo điều kiện cho các hộ nghèo được tiếp cận với các chính sách ưu đãi của nhà nước để phát triển kinh tế, giảm nghèo.

3. Công tác tập huấn nghiệp vụ cho lực lượng trực tiếp tham gia rà soát và BCD rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo:

Để chuẩn bị tốt công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm, UBND xã lập danh sách cử cán bộ chuyên môn, các thành viên BCD rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, các thành viên tổ điều tra rà soát tham gia tập huấn do cấp tỉnh, cấp huyện tổ chức để nâng cao kiến thức, kỹ năng trong công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm.

III. NGUỒN LỰC ĐỂ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.

Tổng nguồn vốn đầu tư thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 là: 19,4 tỷ đồng. Trong đó:

- Vốn từ chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo do Trung ương phân bổ: 8,3 tỷ đồng.

- Vốn ngân sách tỉnh: 5,1 tỷ đồng.

- Huy động từ doanh nghiệp: 05 tỷ đồng.

- Vốn từ các chương trình, dự án hỗ trợ giảm nghèo chung: 1,5 tỷ đồng.

IV. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN.

1. Kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo chung:

1.1. Hỗ trợ sản xuất, dạy nghề cho người nghèo:

- Hỗ trợ sản xuất:

Sau khi có quyết định phê duyệt danh mục, giá bán các loại giống cây trồng, phân bón, UBND xã phối hợp với các đoàn thể bình xét công khai đối tượng được thụ hưởng, đăng ký nhu cầu hỗ trợ về chủng loại, số lượng giống cây trồng, phân bón, đăng ký hỗ trợ bò giống theo quy định; công ty CP KD&PT Miền núi Gia Lai tổ chức nghiệm thu, giám sát cung ứng cấp hỗ trợ kịp thời, đúng đối tượng, đầy đủ cho các hộ dân đưa vào sản xuất trong vụ mùa.

- Công tác đào tạo nghề: Hàng năm đều phối hợp với các cơ quan chuyên môn huyện mở các lớp đào tạo nghề ngắn hạn tại xã và cử tham gia các lớp dạy nghề tại huyện.

1.2. Chính sách ưu đãi tín dụng hộ nghèo:

Từ năm 2016 đến nay, Ngân hàng chính sách xã hội huyện Kbang đã triển khai cho vay 17 chương trình tín dụng ưu đãi cho người nghèo, người cận nghèo và các đối tượng thụ hưởng chính sách giảm nghèo khác trên địa bàn xã.

Tổng số vốn cho vay từ năm 2016 đến nay trên địa bàn xã là 360 tỷ đồng. Nguồn vốn tín dụng hàng năm đã giúp cho hộ nghèo, hộ cận nghèo có vốn làm ăn vươn lên thoát nghèo, góp phần giảm đáng kể tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn xã.

1.3. Hỗ trợ về giáo dục và đào tạo:

Đã thực hiện đúng và đủ các chính sách về hỗ trợ, miễn giảm học phí cho học sinh người dân tộc thiểu số và hộ nghèo trên địa bàn xã; hỗ trợ lương thực và các chế độ theo quy định cho học sinh bán trú.

1.4. Hỗ trợ về y tế:

Trạm y tế xã được quan tâm, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị y tế, đã đi vào hoạt động ổn định góp phần nâng cao chất lượng khám chữa bệnh ban đầu cho nhân dân, giảm chi phí điều trị, giảm tải cho các bệnh viện tuyến trên. Trạm y tế xã đã đạt Bộ tiêu chí quốc gia theo tiêu chí từ năm 2015; các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế được tổ chức có hiệu quả.

Công tác khám chữa bệnh cho người nghèo, người cận nghèo luôn được chính quyền địa phương quan tâm, các chính sách về bảo hiểm y tế được thực hiện đúng đối tượng và đúng quy định.

1.5. Hỗ trợ về nhà ở:

Từ năm 2016 đến nay, trên địa bàn xã đã có hơn 31 hộ nghèo được hỗ trợ xây mới và sửa chữa nhà ở với tổng kinh phí 1.105 triệu đồng; trong đó: vốn vay ngân hàng chính sách 725 triệu đồng, vốn huy động khác 380 triệu đồng. Đã giúp cho các hộ nghèo không phải ở trong nhà tạm dột nát, mùa mưa bão có nơi an toàn để nương náu và bảo vệ tài sản, yên tâm sản xuất tăng thu nhập, góp phần cải thiện đời sống vươn lên thoát nghèo.

1.6. Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo:

Thực hiện văn bản của Trung ương về biểu giá bán lẻ điện, đã thực hiện hỗ trợ đầy đủ và kịp thời tiền điện cho hộ nghèo trên địa bàn xã. Tuy nhiên, mức hỗ trợ còn thấp, hiệu quả về giảm nghèo chưa cao đề nghị xem xét và có phương thức hỗ trợ cho phù hợp hơn.

2. Kết quả thực hiện các dự án thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo giai đoạn 2016-2020:

2.1. Chương trình 135:

Đã được triển khai thực hiện trên địa bàn xã với tổng kinh phí hỗ trợ là 11.299 triệu đồng. Trong đó:

- Đầu tư cơ sở hạ tầng: 1.832 triệu đồng.
- Hỗ trợ phát triển sản xuất: 9.467 triệu đồng.

2.2. Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới:

Tổng kinh phí đã thực hiện trên địa bàn xã: 104.140 triệu đồng. Trong đó:

- Ngân sách trung ương: 1.590 triệu đồng, chiếm 1,52%.
- Ngân sách tỉnh: 3.800 triệu đồng, chiếm 3,64%.
- Ngân sách huyện: 500 triệu đồng, chiếm 0,48%.
- Ngân sách xã: 1.500 triệu đồng, chiếm 1,44%.
- Vốn vay tín dụng: 90.000 triệu đồng, chiếm 86,4%.
- Doanh nghiệp: 800 triệu đồng, chiếm 0,76%.
- Nhân dân đóng góp: 5.800 triệu đồng, chiếm 5,56 %.
- Nguồn vốn khác: 150 triệu đồng, chiếm 0,14%.

Đến cuối năm 2019, xã đã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới và làng Hà Nừng được công nhận làng Nông thôn mới.

2.3. Dự án giảm nghèo Tây nguyên:

Tổng kinh phí đã thực hiện trên địa bàn xã: 19,89 tỷ đồng. Trong đó:

- Đầu tư cơ sở hạ tầng: 14,8 tỷ đồng.
- Hỗ trợ phát triển sản xuất: 5,09 tỷ đồng.

3. Kết quả thực hiện mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo:

Kết quả tổng điều tra, rà soát hộ nghèo đầu kỳ giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn xã Sơn Lang có 330 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 30,93%; Có 75 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 7,03%.

- Đến cuối năm 2016, tỷ lệ hộ nghèo toàn xã giảm được 7,44% xuống còn 23,49% (giảm 69 hộ nghèo).

- Năm 2017, giảm được 7,63% xuống còn 15,86% (giảm 77 hộ nghèo).

- Năm 2018, giảm được 8,15% xuống còn 7,71% (giảm 92 hộ nghèo).

- Năm 2019, giảm được 3,73% xuống còn 3,98% (giảm 44 hộ nghèo).

- Năm 2020, giảm được 1,02% xuống còn 2,96% (giảm 12 hộ nghèo).

- Năm 2021:

+ Theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ *ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020*; Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn xã tăng 0,1% lên 3,06% (tăng 01 hộ nghèo);

+ Theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ *ban hành quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025*. Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn xã hiện nay chiếm 7,03% (85 hộ, DTTS 66 hộ chiếm 77,65% tổng số hộ nghèo); Tỷ lệ hộ cận nghèo chiếm 17,87% (216 hộ, DTTS 151 hộ chiếm 69,91% tổng số hộ cận nghèo);

4. Đánh giá kết quả triển khai và kết quả thực hiện:

4.1. Mặt đạt được của chương trình:

- Các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật của Đảng và Nhà nước về giảm nghèo được ban hành kịp thời, phù hợp, đảm bảo đồng bộ, đầy đủ, tính khả thi cao, hiệu lực và hiệu quả, chính sách đã đến được với người dân và đi vào cuộc sống, phát huy hiệu quả tích cực góp phần quan trọng trong việc nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân nhất là người thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số và đồng bào vùng khó khăn, góp phần giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo.

- Các chính sách đã được ban hành đã làm thay đổi và nâng cao nhận thức trong cấp ủy, chính quyền, cán bộ và người dân về chương trình giảm nghèo, từ công tác rà soát, bình xét hộ nghèo hàng năm đảm bảo dân chủ, nghiêm túc, khách quan, công bằng đến việc thực hiện các chính sách dự án kịp thời, đầy đủ, đúng đối tượng. Các đối tượng thụ hưởng chính sách ngày càng mở rộng, mức hỗ trợ được tăng lên, nguồn lực đầu tư phát triển các lĩnh vực ngày càng lớn.

- Nhà nước đề ra các giải pháp tổ chức thực hiện chính sách tới đối tượng thụ hưởng phù hợp, sự phối hợp của các cấp các ngành liên quan để thực hiện chính sách và giải pháp phù hợp theo từng tình hình cụ thể của địa phương. Công tác giảm nghèo ngày càng mang tính xã hội cao, thu hút đông đảo tầng lớp nhân dân, tổ chức kinh tế, xã hội tham gia đóng góp tích cực về công sức, tiền của cho người nghèo thông qua cuộc vận động “quỹ ngày vì người nghèo”.

4.2. Mặt hạn chế:

- Chính sách giảm nghèo còn nặng về tính bao cấp, hỗ trợ trực tiếp, chưa tập trung hỗ trợ, khuyến khích sản xuất, tín dụng ưu đãi, dạy nghề, khuyến nông, lâm, ngư. Nguồn vốn đầu tư của các chương trình mục tiêu phân bổ cho địa phương không cùng thời điểm dẫn tới khó khăn trong công tác phân bổ, lồng ghép sử dụng vốn.

- Nhà nước ưu tiên hỗ trợ cho công tác giảm nghèo nhưng do có nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau, nhiều cơ quan tổ chức chỉ đạo thực hiện dẫn đến dàn trải về nguồn lực nên hiệu quả chưa cao.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được:

Sau 5 năm (2016-2020) thực hiện các chính sách, pháp luật của Nhà nước về giảm nghèo trên địa bàn xã đã phát huy hiệu quả tích cực, hoàn thành tốt việc xóa hộ đói, giảm hộ nghèo, góp phần quan trọng vào thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng-an ninh của xã; tác động trực tiếp đến chất lượng cuộc sống của nhân dân. Xóa xong nhà tạm cho hộ nghèo, cơ sở hạ tầng được tăng cường, bộ mặt nông thôn khởi sắc, đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân được tăng lên. Mức sống dân cư được cải thiện góp phần củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Ban chỉ đạo giảm nghèo của xã được kiện toàn phù hợp với thực tiễn công tác chỉ đạo, điều hành và giảm nghèo của địa phương. Ban chỉ đạo giảm nghèo đã tham mưu kịp thời cho Cấp ủy, chính quyền ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về giảm nghèo và đưa nội dung giảm nghèo là một nội dung, tiêu chí quan trọng vào Nghị quyết Đảng bộ xã.

Các chính sách an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời, tạo điều kiện tìm kiếm việc làm cho người lao động. Các chương trình y tế, giáo dục, mạng lưới thông tin tuyên truyền được quan tâm đáp ứng nhu cầu phục vụ cho nhân dân. Nguồn vốn giải quyết việc làm được tăng dần hàng năm, vốn vay tác động đúng đối tượng, hộ sử dụng vốn vay đúng mục đích. Công tác phối hợp giữa các cơ quan trong thực hiện giảm nghèo ngày càng được chặt chẽ.

Đời sống vật chất và tinh thần của người nghèo được cải thiện rõ rệt, một số nhu cầu thiết yếu của người nghèo cơ bản được đáp ứng: nhà ở, nước sinh hoạt, khám chữa bệnh, giáo dục đào tạo, tạo việc làm tăng thu nhập giúp họ tiếp cận tốt hơn các chính sách của Nhà nước và nguồn hỗ trợ của cộng đồng.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

Nhìn chung công tác giảm nghèo đạt được nhiều kết quả quan trọng, nhưng trong quá trình tổ chức, thực hiện vẫn còn gặp một số khó khăn như: Việc xác định

hộ nghèo, cận nghèo theo hướng tiếp cận đa chiều dựa trên việc đánh giá tài sản để ước lượng thu nhập của hộ gia đình và thu thập các thông tin các dịch vụ cơ bản xã hội có nhiều điểm mới nên một số điều tra viên còn lúng túng hoặc bỏ sót thông tin trong khi điều tra, thu thập, cách ghi thông tin trên phiếu chưa thể hiện tính lô gíc.

Một số hộ nghèo chưa nhận thức được tầm quan trọng của công tác này, từ đó còn ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, chưa phát huy tính chủ động để vươn lên thoát nghèo. Bên cạnh đó, một số hộ nghèo là hộ già cả neo đơn, tàn tật, ốm đau thường xuyên... cho nên việc thực hiện và triển khai các chính sách giảm nghèo các nhóm đối tượng này đang còn gặp nhiều khó khăn.

Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân, khắc phục tình trạng trông chờ, ỷ lại vào nhà nước vẫn chưa đạt hiệu quả cao.

Nguồn lực để thực hiện các mục tiêu thuộc Chương trình giảm nghèo và việc huy động nguồn lực xã hội hóa đầu tư cho công tác giảm nghèo trên địa bàn còn hạn chế.

3. Bài học kinh nghiệm:

- Cấp ủy, chính quyền phải quán triệt đầy đủ vai trò, trách nhiệm của mình, phải huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội trong công tác giảm nghèo bền vững của địa phương.

- Đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác giảm nghèo có chuyên môn, nghiệp vụ, lòng nhiệt tình, tận tâm, sâu sát cơ sở, có phương pháp vận động quần chúng, vững kỹ năng nghiệp vụ sẽ phát huy sức mạnh tham gia của cộng đồng, đặc biệt là của cán bộ thôn, làng.

- Chú trọng làm tốt công tác điều tra, nắm chắc đối tượng, cập nhật thông tin chi tiết thường xuyên về hộ nghèo, hộ có nguy cơ nghèo do nguyên nhân bất khả kháng. Phát huy mạnh mẽ dân chủ trong cộng đồng mọi hoạt động từ việc xác định hộ nghèo, thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo...

- Phối hợp triển khai thực hiện tốt công tác giải quyết việc làm cho người lao động, gắn với đào tạo nguồn nhân lực, nhất là đào tạo nghề ngắn hạn cho người lao động trong lĩnh vực nông nghiệp và phi nông nghiệp nhằm nâng cao kiến thức, tay nghề, đủ điều kiện tham gia thị trường lao động.

- Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm và hỗ trợ phát triển chăn nuôi, trồng trọt các loại vật nuôi và cây trồng có giá trị kinh tế cao.

- Phát động phong trào quần chúng sâu rộng trên địa bàn trong công tác xã hội hóa các hoạt động giảm nghèo; tạo điều kiện và khuyến khích các đoàn thể, các tổ chức từ thiện, các nhà hảo tâm, các doanh nghiệp tham gia xã hội hóa công tác giảm nghèo.

- Hàng năm tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết để đánh giá, rút kinh nghiệm quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo; kịp thời khen thưởng, động viên các tập thể, cá nhân, các gương điển hình giảm nghèo.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:

- Đề nghị bổ sung đối tượng hưởng lợi từ Chương trình đối với hộ mới thoát nghèo, thoát cận nghèo, giúp họ thoát nghèo bền vững.
- Đề nghị tăng nguồn kinh phí cho các dự án của Chương trình.
- Đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa phần mềm giảm nghèo để các địa phương cập nhập, theo dõi, quản lý và sử dụng.

VII. ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2022-2025.

Thời gian qua, tuy công tác giảm nghèo bền vững đã được tập trung triển khai thực hiện, có sự chung tay của toàn xã hội và đã đạt được nhiều kết quả nhưng nguy cơ tái nghèo vẫn còn cao; trong thời gian đến, với việc áp dụng chuẩn nghèo mới tiếp cận đa chiều giai đoạn 2021-2025 quy định tại Nghị định số 07/NĐ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ, dự báo tỷ lệ hộ nghèo sẽ cao hơn rất nhiều; tình hình thiên tai dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường, ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển kinh tế-xã hội và đời sống của nhân dân; đồng thời, quá trình thực hiện công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2021 còn những tồn tại, hạn chế cần khắc phục. Để công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025 tiếp tục thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đảm bảo hiệu quả, bền vững, khắc phục những tồn tại, hạn chế, đáp ứng với chuẩn nghèo mới tiếp cận đa chiều giai đoạn 2021-2025 cần tập trung triển khai, thực hiện một số nội dung sau:

1. Quan điểm:

Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý, điều hành của chính quyền địa phương, sự phối hợp giữa UBMTTQVN, các đoàn thể chính trị-xã hội, UBND xã và nhân dân nhằm thực hiện tốt công tác giảm nghèo bền vững của địa phương, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng-an ninh và đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn xã.

2. Mục tiêu:

2.1. Mục tiêu: Bảo đảm cho người nghèo, người cận nghèo được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản để giảm nghèo có hiệu quả, hạn chế tái nghèo.

2.2. Một số chỉ tiêu cơ bản:

- Hàng năm, giảm tỷ lệ hộ nghèo của xã từ 0,5 – 1%. Phấn đấu đến cuối năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn xã dưới 3%.
- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo được hưởng đầy đủ các chính sách ưu đãi của Đảng và Nhà nước.
- Hàng năm, vận động ủng hộ “*Quỹ vì người nghèo*” để hỗ trợ sửa chữa nhà ở, tặng quà, hỗ trợ sinh kế... cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.
- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo từ xã đến thôn, làng được tập huấn nghiệp vụ, nâng cao năng lực công tác giảm nghèo.

3. Nhiệm vụ và giải pháp:

3.1. Nhiệm vụ:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, truyền thông các chủ trương, chính sách của Đảng và Pháp luật của Nhà nước về công tác giảm nghèo nhằm tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là người nghèo, người cận nghèo để họ tự phấn đấu vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Đảm bảo hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận đầy đủ các chính sách về y tế, giáo dục, vay vốn, thông tin, nước sạch, vệ sinh môi trường...

- Hàng năm, tham gia đầy đủ các lớp tập huấn nghiệp vụ điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo do tỉnh, huyện tổ chức.

- Rà soát, phân loại hộ nghèo đảm bảo chính xác, làm cơ sở ký cam kết, phối hợp với các đoàn thể xã nhận đỡ đầu, giúp đỡ hộ nghèo thoát nghèo bền vững.

3.2. Giải pháp:

- Công tác chỉ đạo điều hành:

+ Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, sự quản lý, điều hành của chính quyền địa phương, sự phối hợp của UBMTTQVN xã và các đoàn thể chính trị - xã hội trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

+ Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình phối hợp giữa chính quyền với MTTQ và các đoàn thể trong công tác giảm nghèo. Hàng năm, cấp ủy Đảng xây dựng kế hoạch giao chỉ tiêu giảm nghèo cụ thể cho MTTQ và các đoàn thể để phấn đấu giảm nghèo đạt chỉ tiêu đề ra.

- Công tác tuyên truyền: Đổi mới hình thức tuyên truyền, truyền thông về công tác giảm nghèo nhằm khơi dậy ý thức tự vươn lên của người nghèo, xóa bỏ tư tưởng trông chờ ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước; nêu gương các hộ nghèo điển hình.

- Công tác điều tra, rà soát:

+ Tiến hành điều tra, rà soát hộ nghèo đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy trình, quy định.

+ Hàng năm, xây dựng kế hoạch giảm nghèo, giao chỉ tiêu giảm nghèo cho các thôn, làng.

- Công tác củng cố, kiện toàn Ban chỉ đạo: kịp thời kiện toàn BCD giảm nghèo khi có thay đổi về nhân sự, phân công các thành viên BCD phụ trách thôn, làng nhằm hỗ trợ, hướng dẫn công tác giảm nghèo.

- Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác giảm nghèo bền vững nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót trong quá trình thực hiện. Phát huy vai trò, chức năng giám sát, phản biện của UBMTTQVN và các đoàn thể chính trị - xã hội trong công tác giảm nghèo.

- Công tác huy động nguồn lực: Ngoài ngân sách của Trung ương, tỉnh, huyện và địa phương, tiếp tục vận động “Quỹ vì người nghèo” để thực hiện các chính sách an sinh xã hội đối với người nghèo nhằm thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo – Không để ai bị bỏ lại phía sau”.

Trên đây là báo cáo tổng kết Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2021 trên địa bàn xã Sơn Lang./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng LĐ-TB&XH huyện;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND xã;
- TT UBMTTQVN và các Đoàn thể xã;
- Trưởng các thôn, làng;
- Lưu: VPx.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**



[Signature]
Lê Quý Truyền